

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
51	Đường Vũ A Dính	Giao với nút giao đường Bế Văn Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tình	170					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	320					
53	Sắp xếp dân cư bán Tác Tình, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		240					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư	960	260	160			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	1.200					
56	Đường Bế Văn Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vũ A Dính	170					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			140					
58	Xã Sơn Bình cũ			330	99	63	110	74	74
59	Xã Bình Lư cũ			370	200	140	306	184	84
XI	XÃ TẢ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phô Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			240					
2	Xã Hồ Thầu cũ			240	99	63	110	74	74
3	Xã Giang Ma cũ			240	91	65	108	65	65
4	Xã Tả Lềng cũ			150	95	63	105	74	74
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	250	150	100			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			240					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			240					
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ			150	95	63	110	74	74
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			140	90	65	90	63	65
XIII	XÃ SİN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thên Sìn cũ (Toàn khu)			240					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thên Sìn, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			240					
3	Xã Sìn Suối Hồ cũ			320	180	110	150	110	74
4	Xã Nậm Xe cũ			380	200	130	220	140	84
5	Xã Thên Sìn cũ			330	91	65	110	65	65
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	3.200					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	2500	1540	600			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	1400	590	280			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	3100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	2500	1500				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	1100	730	440			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	790	490	300			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	210	130	110			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1.300	580	300			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2.200					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2.500					
12	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.900					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.900					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.900					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.900					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.500					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	1200					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.900					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.900					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.500					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	1.200					
24	Quốc lộ 12	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	680	410	310			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	1800					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			280					
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	3.000					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	2.700	2.100	1.500			
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	1.100					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	1.100					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	1.800	1.400	990			
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	1.100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
32.6	Đường số 13 (đường cụt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	1.400	1.090	780			
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	1.500	1.100	800			
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			110					
34	Xã Mường So cũ			750	420	260	290	180	108
35	Xã Ma Li Pho cũ			460	240	150	230	170	95
36	Xã Huổi Luông cũ			380	200	130	220	140	84
XV	XÃ DÀO SAN								
1	Xã Đào San cũ			390	200	130	230	140	86
2	Xã Tung Qua Lin cũ, xã Mù Sang cũ			310	170	110	150	110	74
XVI	XÃ SÌ LỖ LẦU								
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Si Lở Lầu cũ			320	170	110	150	110	76
2	Xã Mỏ Si San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ			310	170	110	150	110	74
XVII	XÃ KHỔNG LÃO								
1	Xã Khổng Lão cũ			480	250	160	240	170	100
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			460	240	150	230	170	95
XVIII	XÃ TỬA SÍN CHẢI								
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tả Ngảo cũ			180	113	65	97	54	54
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			120	63	53	63	53	53
XIX	XÃ SÌN HỒ								
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.600	890	340			
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.600	890	340			
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	1.230	540	280			
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tả Phìn cũ)	470	250	150			
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDABTĐC	1.230	540	280			
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	640	340	180			
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	500	250	150			
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.230	540	280			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	910	450	280			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	910	450	280			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	660	350	180			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.600	890	340			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	910	450	280			